

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-PT
Ngày: 19-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLPT-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N; Sinh năm: 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 50/20, đường P, tổ X, khu phố A, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Thanh T; Sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Trần Thị Tám N2; Sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ tạm trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thị Tám N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Vợ của ông Hồ Thanh T là bà Trần Thị Tám N2 có lên tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu làm cá. Do bà N2 có quen biết với người em bà con của bà N, nên giữa bà N với bà N2 cũng quen biết với nhau, từ đó bà N có cho bà N2 vay (mượn) tiền cụ thể như sau:

- + Vào ngày 20/01/2014 cho bà N2 vay số tiền là 40.000.000đồng.
- + Vào ngày 28/3/2015 cho bà N2 vay số tiền là 20.000.000đồng.
- + Vào ngày 20/5/2015 cho bà N2 vay số tiền là 14.000.000đồng.

Tổng cộng là 74.000.000đồng, việc cho vay đều không có lãi, khi cho vay chỉ thỏa thuận bằng lời nói, mục đích là để sửa chữa nhà, khi nào bà N2 sửa chữa nhà hoàn tất thì sẽ bán nhà và đất mang tiền trả lại cho bà N.

Sau khi cho bà N2 vay số tiền là 74.000.000đồng thì khoảng 15 ngày sau bà N đến nhà trọ tìm vợ chồng ông T và bà N2 thì mới biết được ông T và bà N2 đã trả nhà trọ và về quê, cũng từ đó cắt đứt mọi liên lạc với bà N, cũng không mang tiền trả cho bà N. Do đó, bà N đã tìm đến quê của ông T, bà N2 tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và gửi đơn yêu cầu ông T và bà N2 hoàn trả tiền cho bà N. Tại buổi hòa giải ngày 04-8-2020 của tổ hòa giải ấp P thì bà N2 chỉ thừa nhận có vay của bà N số tiền là 40.000.000đồng, nhưng đã trả cho bà N được số tiền là 30.000.000đồng, còn nợ lại bà N số tiền là 10.000.000đồng. Bà N không đồng ý với lời trình bày của bà N2, vì bà N không có nhận số tiền bà N2 đã trả là 30.000.000đồng như bà N2 trình bày, nên buổi hòa giải không thành.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà tổng số tiền đã vay là 74.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà N tổng số tiền đã vay là 40.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Tám N2 trình bày:

Bà N2 không có mượn tiền của bà N, mà là vay tiền của bà N, về ngày, tháng vay tiền thì bà N2 không nhớ rõ, chỉ nhớ là vào năm 2012 bà N2 có vay tiền của bà N hai lần, mỗi lần vay số tiền là 20.000.000đồng, tổng cộng là vay 40.000.000đồng, với lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng 8.000.000đồng tiền lãi, bà N2 đã đóng cho bà N được 18 tháng tiền lãi. Sau đó, thì bà N2 có nói với chồng là ông Hồ Thanh T là bà N2 nợ tiền vay của bà N, thì ông T có giao cho bà 01 cây

vàng 24kara (tức 10 chỉ vàng loại 24 kara) để bán và bà N2 đã trả nợ cho bà N số tiền vay gốc là 30.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 10.000.000đồng, việc bà N2 vay tiền, đóng tiền lãi và trả số tiền gốc là 30.000.000đồng cho bà N đều không có làm giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến, chỉ có bà N2 và bà N giao dịch với nhau. Bà N2 xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà và thống nhất hoàn trả cho bà N số tiền gốc là 10.000.000 đồng, nhưng do hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên bà N2 yêu cầu bà N cho vợ chồng bà xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày:

Ông không có trực tiếp vay tiền của bà N mà chỉ nghe vợ của ông là bà Trần Thị Tám N2 nói lại là có vay tiền của bà N và còn nợ bà N số tiền gốc là 40.000.000đồng, thì ông T có giao cho bà N2 01 cây vàng 24k để bán đã trả nợ cho bà N, bà N2 có nói với ông là đã trả cho bà N số tiền gốc là 30.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 10.000.000đồng, việc bà N2 vay tiền, đóng tiền lãi và trả số tiền gốc là 30.000.000đồng cho bà N đều không có làm giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến, chỉ có bà N2 và bà N giao dịch với nhau. Ông T xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông và thống nhất hoàn trả cho bà N số tiền gốc là 10.000.000đồng, nhưng do hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên ông T yêu cầu bà N cho vợ chồng ông xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi trả dứt số tiền nêu trên.

* Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST, ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015);

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Buộc ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền vay gốc là 40.000.000đồng (bốn chục triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T, bà N2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đồng (hai triệu đồng); Bà Lê Thị N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.850.000đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005793 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-5-2021 bị đơn bà Trần Thị Tám N2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền bà nợ bà N. Bà thừa nhận có nợ vay của bà N số tiền 40.000.000đồng, nhưng đã trả được 30.000.000đồng, nay bà chỉ còn nợ bà N số tiền là 10.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Trần Thị Tám N2 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tám N2, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST, ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Lê Thị N.

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tám N2 làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo của bị đơn được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tám N2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 40.000.000đồng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà N2 thừa nhận vào năm 2012 bà N2 có vay tiền của bà N tổng cộng là 40.000.000đồng (một lần vay số tiền là 20.000.000đồng và hai lần khác mỗi lần 10.000.000đồng), với lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng tiền lãi là 8.000.000đồng, bà đã đóng tiền lãi được 18 tháng. Sau đó, thì bà N2 có nói với chồng là ông Hồ Thanh T là bà N2 nợ tiền vay của bà N, thì ông T có giao cho bà 01 cây vàng 24 kara để bán trả nợ cho bà N số tiền vay vốn gốc là 30.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 10.000.000đồng. Việc vay tiền và trả tiền cho bà N không có làm giấy tờ, việc vay tiền và trả nợ chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

[2.3] Qua lời trình bày nêu trên của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn Trần Thị Tám N2 thừa nhận có nợ vay số tiền vốn gốc của bà N là 40.000.000đồng. Tuy nhiên bà N2 cho rằng số tiền nợ vay này bà N đã tính lãi suất 20%/tháng, bà đã đóng tiền lãi được 18 tháng và đã trả tiền vốn gốc là 30.000.000đồng, nhưng lời trình bày này của bà N2 không được phía nguyên đơn bà N thừa nhận, ngoài ra bà N2 cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là đã trả tiền lãi và tiền vốn gốc như lời trình bày của bà.

[2.4] Bản án sơ thẩm căn cứ lời thừa nhận của bà N2 là có nợ vay của bà N số tiền vốn gốc là 40.000.000đồng và lời thừa nhận của ông T có biết việc bà N2 vay tiền để tiêu dùng trong gia đình, nên bản án sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông T và bà N2 cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 40.000.000đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Với những phân tích nêu tại các mục [2.3], [2.4] như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị Tám N2 là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Tám N2 phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tám N2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST, ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015);

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Buộc ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền vay gốc là 40.000.000đồng (bốn chục triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh T và bà Trần Thị Tám N2 phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đồng (hai triệu đồng); Bà Lê Thị N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.850.000đồng (một triệu tám trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005793 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị Tám N2 phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007903 ngày 18-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Tố Hương